

Bản án số: **209/2026/DS - PT**

Ngày: 11- 8 - 2026

V/v “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố di chúc không hợp pháp; xác định di sản thừa kế và người thừa kế*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Hiếu

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Thanh Mai

Bà Trần Thị Bé

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngô Khánh Loan, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Lương Thị Chung - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 71/2026/TLPT-DS ngày 14 tháng 6 năm 2026 về việc “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố di chúc không hợp pháp; xác định di sản thừa kế và người thừa kế*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 205/2026/DS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 174/2026/QĐ-PT ngày 05 tháng 6 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 263/2026/QĐ-PT ngày 18 tháng 6 năm 2026, Thông báo mở lại phiên tòa số: 511/2026/TB-TA ngày 04/8/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Tăng Hà A, sinh năm 1969, CCCD số 049069023312; Địa chỉ: Số A N, phường H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Tăng Hà V, sinh năm 1965, CCCD số 049065022656; Địa chỉ: Số G T, phường C, thành phố Đà Nẵng. Ông A và ông V đều có mặt

2. Bị đơn: Ông Tăng Hà Á, sinh năm 1963, CCCD số 049063010480; Địa chỉ: Số A N, phường H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Tăng Thị Ngọc B, sinh năm 1960, CCCD số 049160006735; Địa chỉ: E P, phường H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

3.2. Ông Tăng Hà Â, sinh năm 1964, CCCD số 049064000752; Địa chỉ: Số A L, phường H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

3.3. Ông Tăng Hà V, sinh năm 1965, CCCD số 049065022656; Địa chỉ: Số G T, phường C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

3.4. Ông Tăng Hà T, sinh năm 1971, CCCD số 049071000646; Địa chỉ: Số A B, phường H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

3.5. Bà Tăng Hà Ngọc H, sinh năm 1995, CCCD số 04919500626; Địa chỉ: Số A B, phường H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

3.6. Bà Cao Lê Ngọc H1, sinh năm 1970, CCCD số 049170008862; Địa chỉ: Số A N, phường H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

3.7. Ông Tăng Nguyễn Thiên Q, sinh năm 2007, CCCD số 048207003966; Địa chỉ: Tổ A, phường T, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc A1, sinh năm 1980, CCCD số 048180001007; Địa chỉ: Tổ A, phường T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

3.8. Bà Nguyễn Thị Ngọc A1, sinh năm 1980, CCCD số 048180001007; Địa chỉ: Tổ A, phường T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

3.9. Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Đà Nẵng, Địa chỉ: Số I T, phường H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

4. Do có kháng cáo của bị đơn - Ông Tăng Hà Á.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Tăng Hà A trình bày: :

Về quan hệ gia đình: Cha mẹ ông là bà Nguyễn Thị Q1 sinh năm 1937, chết năm 2013 và ông Tăng Hà Q2, sinh năm: 1936, chết ngày 01/01/1981 theo Quyết định số 45/2018/QĐST-DS ngày 21/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam (cũ) về việc “Yêu cầu tuyên bố một người là đã chết”. Bà Q1 và ông Q2 có 07 người con là: Tăng Thị Ngọc B, Tăng Hà Á, Tăng Hà Â, Tăng Hà V, Tăng Hà H2, Tăng Hà A, Tăng Hà T. Ông Tăng Hà H2, sinh năm 1967, chết ngày 05/6/2009. Ông Tăng Hà H2 có vợ là bà Cao Lê Ngọc H1; ông H2 và bà H1 có 02

người con là: Tăng Hà Ngọc H, sinh năm: 1995; Tăng Hà Minh H3, sinh ngày 05/12/1999 chết ngày 20/5/2018 (chưa có vợ, con). Ông Tăng Hà H2 ly hôn bà Cao Lê Ngọc H1, sau đó kết hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc A1 có 01 con chung là: Tăng Nguyễn Thiên Q, sinh ngày 04/5/2007;

Ngoài ra ông Q2 và bà Q1 không có con riêng, con nuôi nào khác.

Về nguồn gốc thửa đất: Bà Nguyễn Thị Q1 có tạo lập được một thửa đất và được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 685878, vào sổ cấp GCN số CH00024 ngày 09/4/2010 tại thửa đất số 252; tờ bản đồ số 11; địa chỉ tại: Số A B, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam (cũ) nay là phường H, thành phố Đà Nẵng đứng tên bà Nguyễn Thị Q1.

Khi còn sống bà Nguyễn Thị Q1 có lập 02 Di chúc liên quan đến tài sản trên:

+ Di chúc ngày 17 tháng 5 năm 2011 được UBND phường M ký chứng thực ngày 24 tháng 5 năm 2011; Số 01, quyền số 01/2011/TP/CC - SCT/HĐGD.

+ Di chúc ngày 25 tháng 02 năm 2012 được UBND phường M ký chứng thực ngày 27 tháng 02 năm 2012; Số 01, quyền số 01/2012/TP/CC – SCT/HĐGD.

Khi ông Tăng Hà A đến Văn phòng công chứng để lập hồ sơ khai nhận di sản thừa kế thì ông Tăng Hà Á không đồng ý. Do đó, ông Tăng Hà A khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân khu vực 10 – Đà Nẵng giải quyết các nội dung sau:

+ Yêu cầu Toà án tuyên bố 02 Di chúc trên không hợp pháp. Lý do: Cả 02 di chúc được lập đều không phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 653 Bộ luật Dân sự năm 2005.

+ Yêu cầu xác định Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 685878, vào sổ cấp GCN số CH00024 tại thửa đất số 252 ; tờ bản đồ số 11; địa chỉ tại: Số A B, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam (cũ) nay là phường H, thành phố Đà Nẵng do UBND thành phố H cấp ngày 09/4/2010 cho bà Nguyễn Thị Q1 là di sản của bà Nguyễn Thị Q1.

+ Yêu cầu xác định những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị Q1 là: Tăng Thị Ngọc B, Tăng Hà Á, Tăng Hà Á, Tăng Hà V, Tăng Hà H2, Tăng Hà A, Tăng Hà T; Tăng Hà H2 (chết) người được hưởng thừa kế của ông H2: Tăng Hà Ngọc H, Tăng Nguyễn Thiên Q và Tăng Hà Minh H3 (chết) do bà Cao Lê Ngọc H1 được thừa kế.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn ông Tăng Hà A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Toà án chia di sản thừa kế của bà Q1 để lại.

** Tại các văn bản trình bày trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà, bị đơn ông Tăng Hà Á trình bày:*

Nguyên đơn trình bày về quan hệ gia đình, nguồn gốc thửa đất số 252, tờ bản đồ số 11 là di sản của bà Q1 để lại; xác định những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Q1 thì ông hoàn toàn đồng ý.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu tuyên bố Di chúc lập năm 2012 không hợp pháp thì ông không đồng ý vì Di chúc lập năm 2012, có chứng thực của UBND phường M, thành phố H (cũ) là đúng qui định của luật pháp, hợp pháp. Nội dung Di chúc được lập năm 2012: Bà Q1 xác định ngôi nhà số A B dùng để thờ ông bà, không được bán, chuyển nhượng hoặc cho dưới bất cứ hình thức nào, chỉ được cho thuê, tất cả các con bà đều được hưởng quyền lợi ngang nhau. Ông Á cho rằng nội dung di chúc này là đúng, phù hợp.

Đối với yêu cầu khởi kiện tuyên bố Di chúc lập năm 2011 không hợp pháp; yêu cầu xác định di sản của bà Nguyễn Thị Q1 để lại và xác định những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị Q1 gồm: 07 người con của bà Q1 là: Bà Tăng Thị Ngọc B; Ông Tăng Hà Á; Ông Tăng Hà Á; Ông Tăng Hà V; Ông Tăng Hà A; Ông Tăng Hà T; Ông Tăng Hà H2 (chết năm 2009). Riêng bà Tăng Hà Ngọc H, bà Cao Lê Ngọc H1, cháu Tăng Nguyễn Thiên Q được hưởng phần của ông Tăng Hà H2, Tăng Hà Minh H3 thì ông thống nhất.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay, bị đơn ông Tăng Hà Á vẫn giữ nguyên quan điểm, không có yêu cầu phản tố và không có yêu cầu gì khác. Đề nghị Toà án xem xét giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Tăng Thị Ngọc B; ông Tăng Hà Á; ông Tăng Hà V; bà Tăng Hà Ngọc H; bà Cao Lê Ngọc H1; ông Tăng Nguyễn Thiên Q: Đồng thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn ông Tăng Hà A về quan hệ gia đình, nguồn gốc thửa đất, đều thống nhất xác định thửa đất số 252, tờ bản đồ số 11 là di sản của bà Q1 để lại và việc xác định những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Q1. Đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì không ai có ý kiến gì, hoàn toàn đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Ông Tăng Hà T trình bày: Thống nhất về quan hệ gia đình, nguồn gốc thửa đất như ông Tăng Hà A trình bày, thống nhất xác định thửa đất số 252, tờ bản đồ số 11 là di sản của bà Q1 để lại và việc xác định những người thừa kế thuộc hàng thừa

kế thứ nhất của bà Q1. Ông Tăng Hà T cho rằng di chúc lập năm 2011 là có hiệu lực. Di chúc lập năm 2012 là bị ép buộc, không có hiệu lực pháp luật.

+ *Tại Văn bản số 944/UBND ngày 23/10/2025 của UBND phường H trình bày:*

- Đối với bản di chúc do bà Nguyễn Thị Q1 lập 17/5/2021 UBND phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam nay là UBND phường H, thành phố Đà Nẵng ký chứng thực ngày 24/5/2011 là đúng với quy định của pháp luật. Tuy nhiên ngày 27/02/2012 Ủy ban nhân dân phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam nay là được UBND phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam nay là UBND phường H, thành phố Đà Nẵng có tiếp nhận hồ sơ chứng thực di chúc do bà Nguyễn Thị Q1 yêu cầu chứng thực chữ ký (có bản di chúc kèm theo), trong bản di chúc này có nội dung hủy mọi di chúc được lập trước ngày 25/02/2012.

- Đối với bản di chúc do bà Nguyễn Thị Q1 lập ngày 25/02/2012 được UBND phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam nay là UBND phường H, thành phố Đà Nẵng ký chứng thực ngày 27/02/2012 là đúng với quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị Q1 khi ký và điểm chỉ trong trạng thái tinh thần minh mẫn, sáng suốt, không bị lừa dối, đe dọa hoặc cưỡng ép. Chữ ký và dấu điểm chỉ trong bản di chúc là của bà Nguyễn Thị Q1 là đúng.

Do đó, UBND phường H nhận thấy việc chứng thực chữ ký và điểm chỉ trong hai bản di chúc nêu trên của bà Nguyễn Thị Q1 là không trái với quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đà Nẵng xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Với nội dung vụ án như trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 205/2026/DS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Đà Nẵng quyết định:*

Căn cứ các Điều 26, 37, 39, 92, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 634, 635, 646, 647, 648, 649, 650, 651, 652, 654, 655, 656, 658 BLDS 2005; các Điều 649, 651, 652 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tăng Hà A.

+ Tuyên bố di chúc do bà Nguyễn Thị Q1 lập ngày 17 tháng 5 năm 2011, UBND phường M ký chứng thực ngày 24 tháng 5 năm 2011, Số 01, quyển số 01/2011/TP/CC - SCT/HĐGD là không hợp pháp;

+ Tuyên bố Di chúc do bà Nguyễn Thị Q1 lập ngày 25 tháng 02 năm 2012, UBND phường M ký ngày 27 tháng 02 năm 2012, Số 01, quyển số 01/2012/TP/CC – SCT/HĐGD là không hợp pháp.

2. Xác định di sản của bà Nguyễn Thị Q1 để lại là: thửa đất số 252; tờ bản đồ số 11; địa chỉ: Số A B, phường H, thành phố Đà Nẵng, diện tích 90m² tại phường H, thành phố Đà Nẵng, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là di sản thừa kế do bà Nguyễn Thị Q1 để lại.

3. Xác định những người được hưởng thừa kế của bà Nguyễn Thị Q1 gồm: Tăng Thị Ngọc B, Tăng Hà Á, Tăng Hà Á, Tăng Hà V, Tăng Hà A, Tăng Hà T; Tăng Hà H2 [chết, người được hưởng thừa kế thế vị của ông H2: Tăng Hà Ngọc H, Tăng Nguyễn Thiên Q và Tăng Hà Minh H3 (chết, bà Cao Lê Ngọc H1 được thừa kế lại ông H3)].

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và nghĩa vụ do chậm thi hành án.

* Ngày 03 tháng 4 năm 2026, Tòa án nhân dân quận Khu vực 10 – Đà Nẵng nhận được đơn kháng cáo của bị đơn ông Tăng Hà Á, nội dung ông Tăng Hà Á cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên vô hiệu 02 Di chúc của bà Nguyễn Thị Q1 với lý do không rõ ràng, là không đúng quy định. Quá trình lập Di chúc của bà Nguyễn Thị Q1 là đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ủy ban nhân dân phường M. Yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm, xem xét công nhận Di chúc của bà Nguyễn Thị Q1 là phù hợp với quy định của pháp luật và cho phép các đồng thừa kế được đứng tên trong giấy chứng nhận nhà và đất.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Tăng Hà Á giữ nguyên nội dung kháng cáo. Yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm, xem xét công nhận Di chúc của bà Nguyễn Thị Q1 là phù hợp với quy định của pháp luật và cho phép các đồng thừa kế được đứng tên trong giấy chứng nhận nhà và đất.

Các bên không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

* *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật TTDS, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Tăng Hà Á, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thời hạn, nội dung và thủ tục kháng cáo của các đương sự: Về thời hạn, nội dung và thủ tục kháng cáo Bản án sơ thẩm của bị đơn ông Tăng Hà Á là đảm bảo theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do

đó, yêu cầu kháng cáo của ông Tăng Hà Á được thụ lý giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Đây là phiên tòa phúc thẩm được mở lần thứ 2, tất cả các đương sự đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bà Tăng Hà Ngọc H, bà Cao Lê Ngọc H1 và Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Đà Nẵng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, HĐXX tiếp tục tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Tăng Hà Á.

[2.1] Xét tính hợp pháp của 02 Di chúc:

[2.1.1] Bà Nguyễn Thị Q1 lập 02 Di chúc, Di chúc thứ nhất lập ngày 17/5/2011 và Di chúc thứ hai lập ngày 25/02/2012 đều được UBND phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam (cũ) chứng thực và là người để lại di sản chết năm 2013 trong thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2005 đang có hiệu lực nên việc xem xét hiệu lực của các di chúc do bà Q1 lập được áp dụng theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005. Theo quy định tại khoản 1 Điều 652 Bộ luật Dân sự năm 2005, di chúc được coi là hợp pháp phải có đủ các điều kiện sau: *a, người lập di chúc minh mẫn, sáng suốt trong khi lập di chúc; không bị lừa dối, đe dọa hoặc cưỡng ép; b, nội dung di chúc không trái pháp luật, đạo đức xã hội; hình thức di chúc không trái quy của pháp luật.* Như vậy, di chúc được coi là hợp pháp phải có đủ các điều kiện về chủ thể, ý chí, nội dung và hình thức theo quy định của pháp luật.

[2.1.2] Về hình thức của di chúc, khoản 2 Điều 653 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định trường hợp *di chúc gồm nhiều trang thì mỗi trang phải được đánh số thứ tự và có chữ ký hoặc điểm chỉ của người lập di chúc.*

Xét, cả 02 Di chúc do bà Nguyễn Thị Q1 lập thì thấy, Di chúc thứ nhất thể hiện bà Q1 lập ngày 17/5/2011, nhưng được UBND phường M chứng thực ngày 24/5/2011 và Di chúc thứ hai bà Q1 lập ngày 25/02/2012, nhưng được UBND phường M chứng thực ngày 27/02/2012 đều gồm 02 trang, tuy nhiên, mỗi trang không được đánh số thứ tự và người lập Di chúc là bà Q1 chỉ ký và điểm chỉ vào trang thứ hai, trang thứ nhất không có chữ ký hoặc điểm chỉ của bà Q1, nên không bảo đảm quy định bắt buộc về hình thức của di chúc theo quy định tại khoản 2 Điều 653 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[2.1.3] Theo quy định tại khoản 1 Điều 658 Bộ luật Dân sự 2005 về thủ tục lập di chúc tại UBND xã, phường, thị trấn thì việc lập di chúc tại UBND xã, phường, thị trấn phải tuân theo thủ tục: *Người lập di chúc tuyên bố nội dung của di chúc trước người có thẩm quyền chứng thực của UBND xã, phường, thị trấn. Người có thẩm quyền chứng thực phải ghi chép lại nội dung mà người lập di chúc đã tuyên bố. Người lập di chúc ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc sau khi xác nhận*

bản di chúc đã được ghi chép chính xác và thể hiện đúng ý chí của mình. Người có thẩm quyền chứng thực của UBND xã, phường, thị trấn ký vào bản di chúc. Tuy nhiên, qua lời khai của cán bộ tư pháp phường Minh An là ông Hồ Công Đ tại Đơn trình bày ý kiến gửi Tòa án cấp sơ thẩm ghi ngày 17/10/2025 và Biên bản xác minh của Tòa án cấp sơ thẩm ngày 14/10/2025 ông Nguyễn Bội Q3 - Phó Chủ tịch UBND phường M xác định: ngày 24/5/2011 UBND phường M nhận được hồ sơ yêu cầu chứng nhận Di chúc thứ nhất của bà Q1 ghi ngày 17/5/2011 (trước ngày yêu cầu chứng thực 08 ngày) do ông Tăng Hà T (con bà Q1) nộp hồ sơ yêu cầu chứng thực; và ngày 27/2/2012 UBND phường M nhận được hồ sơ yêu cầu chứng nhận Di chúc thứ hai của bà Q1 ghi ngày 25/2/2012 (trước ngày yêu cầu chứng thực 02 ngày) do ông Tăng Hà Á (con bà Q1) nộp hồ sơ yêu cầu chứng thực. Cả hai lần chứng thực di chúc của bà Q1 thì ông Hồ Công Đ - cán bộ tư pháp phường là người trực tiếp đến nơi cư trú của người lập di chúc để bà Q1 ký, điểm chỉ; sau đó mang di chúc về trình ông Nguyễn Bội Q3 - Phó Chủ tịch UBND phường là người có thẩm quyền ký chứng thực. Nguyên đơn ông Tăng Hà A, bị đơn ông Tăng Hà Á và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều xác nhận nội dung trình bày của ông Hồ Công Đ và ông Nguyễn Bội Q3 như trên là đúng. Như vậy, việc chứng thực của UBND phường M trong cả hai Di chúc do bà Q1 lập là không được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về chứng thực di chúc theo quy định tại khoản 1 Điều 658 Bộ luật Dân sự 2005. Hai bản Di chúc được UBND phường M có đóng dấu giáp lai giữa các trang, tuy nhiên dấu giáp lai không thay thế được việc lập di chúc phải tuân theo thủ tục người lập di chúc tuyên bố nội dung của di chúc trước người có thẩm quyền chứng thực của UBND xã, phường, thị trấn và yêu cầu bắt buộc của pháp luật về việc mỗi trang của di chúc phải được đánh số trang và phải có chữ ký hoặc điểm chỉ của người lập di chúc; đồng thời cũng không khắc phục được việc người có thẩm quyền chứng thực phải ghi chép lại nội dung mà người lập di chúc đã tuyên bố, người lập di chúc ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc sau khi xác nhận bản di chúc đã được ghi chép chính xác và thể hiện đúng ý chí của mình, trước khi người có thẩm quyền chứng thực vào di chúc.

[2.1.4] Mỗi lần thực hiện thủ tục lập di chúc đều do một người con khác nhau tự đến UBND phường mời cán bộ tư pháp phường về nhà thực hiện và di chúc đều có nội dung có lợi cho người đi mời cán bộ tư pháp đến nhà gặp bà Q1 thực hiện lập di chúc, các người con còn lại không được thông báo. Đồng thời cả hai Di chúc do bà Q1 lập đều có vi phạm về điều kiện để được coi là hợp pháp theo quy định của pháp luật như nêu trên. Do đó, Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên bố di chúc do bà Nguyễn Thị Q1 lập ngày 17 tháng 5 năm 2011, UBND phường M ký chứng thực ngày 24 tháng 5 năm 2011, Số 01, quyển số

01/2011/TP/CC - SCT/HĐGD và Di chúc do bà Nguyễn Thị Q1 lập ngày 25 tháng 02 năm 2012, UBND phường M ký ngày 27 tháng 02 năm 2012, Số 01, quyền số 01/2012/TP/CC – SCT/HĐGD là không hợp pháp là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[3] Từ những phân tích nhận định trên, HĐXX chấp nhận ý kiến của đại diện VKSND thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa, không chấp nhận ý kiến của bị đơn ông Tăng Hà Á tại phiên tòa, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Tăng Hà Á, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: Ông Tăng Hà Á trên 60 tuổi, nên được miễn án phí phúc thẩm là 300.000 đồng do kháng cáo không được chấp nhận theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/NQ- UBTWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Về chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm: Ông Tăng Hà A và ông Tăng Hà Á mỗi người chịu 1.500.000đ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đã nộp và đã chi xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn ông Tăng Hà Á.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 205/2026/DS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2026 về việc “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố di chúc không hợp pháp; xác định di sản thừa kế và người thừa kế*” của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Đà Nẵng.

Căn cứ các Điều 26, 37, 39, 92, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 634, 635, 646, 647, 648, 649, 650, 651, 652, 654, 655, 656, 658 BLDS 2005; các Điều 649, 651, 652 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tăng Hà A về việc:

+ Tuyên bố di chúc do bà Nguyễn Thị Q1 lập ngày 17 tháng 5 năm 2011, UBND phường M ký chứng thực ngày 24 tháng 5 năm 2011, Số 01, quyền số 01/2011/TP/CC - SCT/HĐGD là không hợp pháp;

+ Tuyên bố Di chúc do bà Nguyễn Thị Q1 lập ngày 25 tháng 02 năm 2012, UBND phường M ký ngày 27 tháng 02 năm 2012, Số 01, quyền số 01/2012/TP/CC – SCT/HĐGD là không hợp pháp.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tăng Hà A về việc:

+ Xác định di sản của bà Nguyễn Thị Q1 để lại là: thửa đất số 252 ; tờ bản đồ số 11; địa chỉ: Số A B, phường H, thành phố Đà Nẵng, diện tích 90m² tại phường

H, thành phố Đà Nẵng, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là di sản thừa kế do bà Nguyễn Thị Q1 để lại.

+ Xác định những người được hưởng thừa kế của bà Nguyễn Thị Q1 gồm: Tăng Thị Ngọc B, Tăng Hà Á, Tăng Hà Á, Tăng Hà V, Tăng Hà A, Tăng Hà T; Tăng Hà H2 [chết, người được hưởng thừa kế thế vị của ông H2: Tăng Hà Ngọc H, Tăng Nguyễn Thiên Q và Tăng Hà Minh H3 (chết, bà Cao Lê Ngọc H1 được thừa kế lại ông H3)].

3. Về án phí

- Ông Tăng Hà Á được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

- Trả cho ông Tăng Hà A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng (*Sáu trăm ngàn đồng*), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019494 ngày 18/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Hội An, tỉnh Quảng Nam cũ (*Nay là Thi hành án dân sự Khu vực 10 – Đà Nẵng*).

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 4, 6, 7, 8 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Phòng THADS Khu vực 10 – Đà Nẵng;
- THADS TP. Đà Nẵng;
- TAND Khu vực 10 – Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Hiếu